

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐẠI HỌC HUẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

NGUYỄN TUẤN DŨNG

GIỚI PHÁP ĐỀ Y MỆNH XUẤT KHẨU HÀNG DỊCH VỤ
TỈNH THẠCH THIÊN HUY

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ

HUẾ, 2018

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ**

NGUYỄN TUẤN DŨNG

**GIỚI PHÁP ĐỀ Y MÔN NH XUẤT KHẨU HÀNG DỊCH VỤ
TÍNH THUA THIÊN HUẾ**

Chuyên ngành: Quản lý Kinh tế
Mã số: 8340410

LUẬN VĂN THẠC SĨ KHOA HỌC KINH TẾ

**NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
PGS. TS. NGUYỄN TÀI PHÚC**

HUẾ, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn này là trung thực và chưa hề được sao chép từ bất kỳ nguồn nào. Tôi cũng xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện luận văn này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong luận văn đã được chỉ rõ nguồn gốc.

Học viên

Nguyễn Tuấn Dũng

LỜI CẢM ƠN

Để thực hiện và hoàn thành luận văn này, tôi đã nhận được sự giúp đỡ và tạo điều kiện từ nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Trước hết, tôi xin cảm ơn đến PGS.TS. Nguyễn Tài Phúc người trực tiếp hướng dẫn khoa học, đã giành nhiều thời gian, công sức, tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình nghiên cứu, tìm hiểu, xây dựng và hoàn thiện luận văn này.

Tôi xin cảm ơn Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế cùng toàn thể các giảng viên đã truyền đạt những kiến thức cơ bản, những kinh nghiệm quý báu, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Tôi xin cảm ơn Ban Giám đốc Sở Công Thương Thừa Thiên Huế, các phòng ban của Sở Công Thương, Cục Thương mại kinh tế Thừa Thiên Huế đã hỗ trợ cung cấp, các số liệu, các kinh nghiệm thực tiễn trong quá trình công tác nhằm giúp tôi có được những thông tin cần thiết để hoàn thiện luận văn này.

Tuy có nhiều cố gắng, nhưng luận văn vẫn không thể tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế. Tôi kính mong các thầy cô giáo, các bạn bè đồng nghiệp, những người quan tâm đến đề tài tiếp tục tham gia ý kiến đóng góp, giúp đỡ để luận văn được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Học viên

Nguyễn Tuấn Dũng

TÓM LƯỢC C LUẬN VĂN

Họ và tên học viên: NGUYỄN TUẤN DŨNG

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Định hướng đào tạo: Quản lý

Mã số: 8340410

Niên khóa: 2016-2018

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. NGUYỄN TÀI PHÚC

Tên đề tài: GIẢI PHÁP ĐỀ Y MÔ NH XUẤT KHẨU HÀNG Dệt MAY TỈNH THẠ THIÊN HUỖ

Mục đích và đối tượng nghiên cứu:

- Mục đích: Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu hàng dệt may trên địa bàn tỉnh Thạ Thiên Huỷ giai đoạn 2013-2017, từ đó đề xuất các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thạ Thiên Huỷ trong thời gian tới.

- Đối tượng nghiên cứu: Nghiên cứu liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng dệt may; trong đó tập trung nghiên cứu các giải pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may trong thời kỳ hội nhập trên địa bàn tỉnh Thạ Thiên Huỷ.

Các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng: Phương pháp thu thập số liệu; phương pháp tổng hợp, phân tích.

Các kết quả nghiên cứu chính:

- Khái quát về cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động xuất khẩu hàng dệt may.

- Đánh giá thực trạng hoạt động xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thạ Thiên Huỷ giai đoạn 2013-2017; nêu rõ những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

- Đề xuất giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thạ Thiên Huỷ.

Học viên

Nguyễn Tuấn Dũng

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ASEAN	: Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
CN	: Công nghiệp
CNCB	: Công nghiệp chế biến
CTTPP	: Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương
DN	: Doanh nghiệp
DM	: Dệt may
EU	: Liên minh Châu Âu
LĐ	: Lao động
FDI	: Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FTA	: Hiệp định thương mại tự do
GDP	: Tổng sản phẩm quốc nội
KCN	: Khu công nghiệp
TPP	: Đối tác chiến lược xuyên Thái Bình Dương
TTH	: Thà Thiên Huế
UBND	: Ủy ban nhân dân tỉnh
USD	: Đô la Mỹ
XNK	: Xuất nhập khẩu
XK	: Xuất khẩu
WTO	: Tổ chức thương mại thế giới

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
TÓM LƯỢC CẤU TRÚC LUẬN VĂN.....	iii
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
MỤC LỤC.....	v
DANH MỤC BẢNG BIỂU	viii
PHẦN I. MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu	1
2. Mục tiêu nghiên cứu.....	2
2.1. Mục tiêu chung:.....	2
2.2. Mục tiêu cụ thể:.....	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu	2
3.1. Đối tượng nghiên cứu:	2
3.2. Phạm vi nghiên cứu:.....	2
4. Phương pháp nghiên cứu.....	3
4.1. Phương pháp thu thập số liệu:.....	3
4.2. Phương pháp tổng hợp, phân tích:	3
5. Cấu trúc luận văn	4
PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	5
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU HÀNG Dệt MAY.....	5
1.1. Cơ sở lý luận về hoạt động xuất khẩu hàng dệt may	5
1.1.1. Một số khái niệm.....	5
1.1.2. Đặc điểm của hàng dệt may	9
1.1.3. Vai trò của cửa hàng xuất khẩu hàng dệt may	9
1.1.4. Những yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến xuất khẩu hàng dệt may Việt Nam nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng	10
1.1.5. Số liệu thị trường dệt may xuất khẩu trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế	12

1.1.6. Một số chỉ tiêu đánh giá hoạt động xuất khẩu hàng hóa.....	13
1.2. Các thị trường và hoạt động xuất khẩu hàng dệt may	15
1.2.1. Quan điểm, mục tiêu của Việt Nam về xuất khẩu hàng dệt may.....	15
1.2.2. Kinh nghiệm xuất khẩu hàng dệt may của một số nước trên thế giới và của các địa phương trong nước.....	17
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY TỈNH THẠCH THIÊN HUỖ GIAI ĐOẠN 2013-2017	26
2.1. Tình hình cơ bản của địa bàn nghiên cứu	26
2.1.1. Điều kiện tự nhiên.....	26
2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội	27
2.1.3. Quá trình phát triển ngành dệt may Việt Nam và của tỉnh Thạch Thiên Huỗ ..	29
2.2. Tình hình xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thạch Thiên Huỗ	32
2.2.1. Quy mô xuất khẩu	32
2.2.2. Chất lượng tham gia xuất khẩu:.....	37
2.2.3. Sản phẩm và quản lý chất lượng sản phẩm:.....	46
2.2.4. Thị trường và đối thủ cạnh tranh.....	48
2.2.5. Phân ngành thị trường sản xuất phục vụ xuất khẩu:	56
2.2.6. Nguyên nhân lưu phụ thuộc ngành dệt may.....	57
2.3. Đánh giá về công tác quản lý nhà nước đối với việc đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu hàng dệt may	58
2.3.1. Công tác định hướng, ban hành chính sách và quản lý nhà nước.....	58
2.3.2. Công tác tạo lập môi trường, điều kiện, hỗ trợ	63
2.3.3. Công tác phát triển nguồn nhân lực	68
2.4. Đánh giá chung về hoạt động xuất khẩu hàng dệt may	70
2.4.1. Kết quả đạt được	70
2.4.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	70
CHƯƠNG 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP ĐỀ Y MẠNH XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY TỈNH THẠCH THIÊN HUỖ	74
3.1. Bối cảnh tác động đến xuất khẩu hàng dệt may.....	74
3.1.1. Bối cảnh quốc tế	74

3.1.2. Bối cảnh trong nước	77
3.2. Định hướng và mục tiêu xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế	78
3.2.1. Định hướng.....	78
3.2.2. Mục tiêu	79
3.3. Một số giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế	79
3.3.1. Giải pháp về phát triển thị trường	79
3.3.2. Giải pháp về phát triển và tăng cường liên kết các doanh nghiệp dệt may	81
3.3.3. Giải pháp về phát triển sản phẩm.....	82
3.3.4. Giải pháp về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.....	83
3.3.5. Giải pháp về phát triển khoa học và công nghệ	87
3.3.6. Giải pháp về phát triển công nghiệp hỗ trợ	87
3.3.7. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu hàng dệt may:	89
PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	90
1. Kết luận	90
2. Kiến nghị.....	91
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	93
Quyết định Hội đồng thẩm luận văn	
Nhận xét của phiên bản 1	
Nhận xét của phiên bản 2	
Biên bản của Hội đồng thẩm luận văn	
Bản ghi trình nội dung chỉnh sửa luận văn	
Giấy xác nhận hoàn thiện luận văn	

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Các mức tiêu chuẩn của ngành dệt may Việt Nam đến năm 2030.....	16
Bảng 2.1: Hiện trạng cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế	27
Bảng 2.2: Giá trị sản xuất và tốc độ tăng trưởng của ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017 (Giá so sánh năm 2010).....	31
Bảng 2.3: Sản lượng hàng dệt may xuất khẩu tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017	33
Bảng 2.4: Kim ngạch xuất khẩu dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017	34
Bảng 2.5: Mật số Doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu lớn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	35
Bảng 2.6: Giá trị tăng thêm của hàng dệt may xuất khẩu tỉnh Thừa Thiên Huế	36
Bảng 2.7: Số lượng DN dệt may xuất khẩu tỉnh Thừa Thiên Huế phân theo ngành kinh tế	37
Bảng 2.8: Số lượng DN dệt may xuất khẩu tỉnh Thừa Thiên Huế phân theo thành phần kinh tế	38
Bảng 2.9: Phân bố các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017	39
Bảng 2.10: Vốn sản xuất kinh doanh bình quân năm của các doanh nghiệp dệt may tỉnh đang hoạt động phân theo ngành kinh tế	40
Bảng 2.11: Số lượng lao động ngành dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017.....	42
Bảng 2.12: Trình độ chuyên môn lao động ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế ...	42
Bảng 2.13: Tổng hợp về việc thành lập phòng/bộ phận phụ trách XNK năm 2017 của các DN dệt may xuất khẩu.....	44
Bảng 2.14: Tổng hợp tình hình công nghệ, thiết bị của các DN dệt may xuất khẩu	45
Bảng 2.15: Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu ngành dệt may giai đoạn 2013-2017 phân theo loại hình kinh tế	47

Bảng 2.16: Thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2017	48
Bảng 2.17: Đối thủ cạnh tranh chủ yếu của các DN dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế	50
Bảng 2.18: Đánh giá của doanh nghiệp về ưu điểm/hạn chế so với đối thủ cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế	53
Bảng 2.19: Cách thức tìm kiếm thị trường xuất khẩu của các doanh nghiệp dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế	55
Bảng 2.20: Tình hình nhập khẩu nguyên phụ liệu dệt may giai đoạn 2013-2017	58
Bảng 2.21: Đánh giá của các doanh nghiệp đối với công tác định hướng, ban hành chính sách và quản lý nhà nước về xuất khẩu.....	61
Bảng 2.22: Đánh giá của các doanh nghiệp đối với công tác tạo lập môi trường, đầu tư, hỗ trợ xuất khẩu	66
Bảng 2.23: Đánh giá của các doanh nghiệp đối với công tác Phát triển nguồn nhân lực.....	69

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Trong những năm qua, ngành dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao (tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2016 đạt 18,1%) và là ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh. Đến năm 2017, ngành dệt may chiếm 40,1% tổng công nghiệp và giữ vị trí quan trọng làm cho hơn 26.900 lao động, góp phần quan trọng thúc đẩy việc phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Ngành dệt may đã gia nhập sâu rộng toàn cầu khi Việt Nam tham gia Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và Việt Nam ký hàng loạt FTAs (hiệp định thương mại tự do song phương). Điều này đã khiến kim ngạch xuất khẩu ngành dệt may trên địa bàn tỉnh đã tăng trưởng đáng kể, kim ngạch xuất khẩu năm sau luôn cao hơn năm trước, cụ thể: kim ngạch xuất khẩu năm 2007 đạt 29,72 triệu USD, tăng 34,61% so với năm 2006; năm 2008 đạt 49,57 triệu USD, tăng 66,77%; năm 2009 đạt 90,90 triệu USD, tăng 83,40%; năm 2010 đạt 188,62 triệu USD, tăng 107,49%; năm 2011 đạt 273,08 triệu USD, tăng 44,78%; năm 2012 đạt 352,48 triệu USD, tăng 29,07%; năm 2013 đạt 423,17 triệu USD, tăng 20,05%; năm 2014 đạt 493,52 triệu USD, tăng 12,89%; năm 2015 đạt 516,99 triệu USD, tăng 8,23%; năm 2016 đạt 582,59 triệu USD, tăng 12,69% so với năm 2015; năm 2017 đạt 638,75 triệu USD và chiếm đến 79,8% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của toàn tỉnh.

Tuy nhiên, tăng trưởng xuất khẩu có dấu hiệu chậm lại; điều kiện trên địa bàn tỉnh cho sản xuất hàng xuất khẩu nhìn chung vẫn còn thấp. Chưa có nhiều dự án đầu tư quy mô lớn nhằm tiếp tục khai thác tiềm năng xuất khẩu của tỉnh, khiến cơ cấu sản xuất và xuất khẩu chậm đổi mới. Kết cấu hàng hóa tăng phức tạp cho hoạt động sản xuất, xuất khẩu còn yếu và thiếu đồng bộ. Các DN chưa khai thác hết cách hiệu quả lợi thế cạnh tranh xuất khẩu đưa vào công nghệ, trình độ lao động, quản lý... để tạo ra các nhóm hàng xuất khẩu có khả năng cạnh tranh cao, tham gia vào chuỗi tạo ra giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu. Các DN chưa chú trọng nâng cao chất lượng để thâm nhập và khai thác thị trường xuất khẩu một cách hiệu quả, đặc biệt là các thị trường mà Việt Nam đã ký kết các hiệp

định thống nhất mới từ do song phương và đa phương. Ph thu quá nhiều vào nguồn nguyên liệu từ Trung Quốc (chiếm hơn 50% tổng kinh ngạch nhập khẩu của hơn 30 thủ tục nhập khẩu trên thị trường). Đáng chú ý là dệt may hiện ph thu quá nhiều vào nguồn nguyên liệu từ Trung Quốc, chiếm đến 55% tổng kinh ngạch nhập khẩu nguyên ph liệu dệt may trong khi xuất khẩu dệt may của các DN tỉnh Thừa Thiên Huế sang thị trường Trung Quốc chiếm tỉ không đáng kể. Công nghiệp hỗ trợ chưa phát triển, tỉ lệ nhập khẩu lớn về nguyên ph liệu sản xuất, đặc biệt là nguyên ph liệu gia công (gia công vẫn là hình thức chủ yếu), cho thấy tính bền vững của xuất khẩu không cao, ph thu quá nhiều vào thị trường cung cấp nước ngoài.

Vì những lý do trên, tôi chọn nghiên cứu Đề tài “Giới pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

2.1. Mục tiêu chung:

Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng xuất khẩu hàng dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017, từ đó đề xuất các giới pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động xuất khẩu;
- Phân tích thực trạng xuất khẩu hàng dệt may trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017;
- Đề xuất các giới pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may đến năm 2025.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu:

Những vấn đề liên quan đến hoạt động xuất khẩu hàng dệt may; trong đó tập trung nghiên cứu các giới pháp nhằm đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may trong thời kỳ hội nhập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

3.2. Phạm vi nghiên cứu:

- Không gian: Tỉnh Thừa Thiên Huế
- Thời gian: Thực trạng hoạt động xuất khẩu giai đoạn 2013-2017; đề xuất giới pháp đến năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

4.1. Phương pháp thu thập số liệu:

4.1.1 Số liệu thứ cấp:

- Thu thập từ các báo cáo, văn bản, số liệu của các quan quản lý nhà nước có liên quan như Bộ Công Thương, Sở Công Thương, Cục Hải Quan, Cục Thuế kê...

- Thu thập từ nguồn thông tin trên các phương tiện, báo chí; website của Hiệp hội Dệt may Việt Nam, các doanh nghiệp...

4.1.2 Số liệu sơ cấp:

- Số liệu sơ cấp được thu thập trên cơ sở điều tra, khảo sát, phỏng vấn các đối tượng:

+ Đối với DN: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế có 33 DN có hoạt động xuất khẩu hàng dệt may; mỗi một DN đều có người phụ trách vận đơn xuất khẩu và đây là các đối tượng am hiểu về hoạt động xuất khẩu của DN. Vì vậy, tiến hành gửi phiếu khảo sát cho các đối tượng này để thu thập thêm thông tin về DN, lấy ý kiến đánh giá công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất khẩu hàng dệt may trên địa bàn tỉnh.

+ Đối với các quan quản lý nhà nước: Tiến hành phỏng vấn (trực tiếp, qua điện thoại), gửi phiếu khảo sát cho 10 chuyên gia đang công tác tại Sở Công Thương, Cục Hải Quan. Đây là những chuyên gia có kiến thức, am hiểu sâu về hoạt động xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Nội dung phỏng vấn, khảo sát tập trung vào nội dung: chính sách; đánh giá những kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế và các giải pháp để đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may trên địa bàn tỉnh.

4.2. Phương pháp tổng hợp, phân tích:

- Phương pháp thống kê mô tả: Sử dụng phương pháp thống kê mô tả để tính toán, so sánh tần suất, tỷ lệ phần trăm của kết quả đánh giá về những chỉ tiêu của từng vận đơn nghiên cứu, từ đó nhận xét và đưa ra kết luận.

- Phương pháp so sánh: Tiến hành so sánh, đối chiếu số liệu thống kê được qua các năm để thấy được tác động tăng trưởng của ngành dệt may.

5. Cấu trúc luận văn

Luận văn được chia là 3 phần:

- Phần I. Mở đầu

- Phần II. Nội dung nghiên cứu: Gồm có 3 chương:

+ Chương 1. Cơ sở lý luận và thực tiễn về hoạt động xuất khẩu hàng dệt may.

+ Chương 2. Thực trạng hoạt động xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2013-2017.

+ Chương 3. Định hướng, giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu hàng dệt may tỉnh Thừa Thiên Huế

Phần III. Kết luận.

PHẦN II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU
CHƯƠNG 1. CẤU SỰ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ HOẠT ĐỘNG XUẤT
KHẨU HÀNG Dệt MAY

1.1. Cấu sự lý luận về hoạt động xuất khẩu hàng dệt may

1.1.1. Một số khái niệm

1.1.1.1. Thương mại:

Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác.

Hàng hoá được mua bán bao gồm: Tất cả các loại hàng sản, kể cả hàng sản hình thành trong tương lai; hàng vật gắn liền với đất đai...

Mua bán hàng hoá là hoạt động thương mại, theo đó bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hoá cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hoá theo thỏa thuận.

Cung ứng dịch vụ là hoạt động thương mại, theo đó một bên có nghĩa vụ thực hiện dịch vụ cho một bên khác và nhận thanh toán; bên sử dụng dịch vụ có nghĩa vụ thanh toán cho bên cung ứng dịch vụ và sử dụng dịch vụ theo thỏa thuận [8].

Theo nghĩa rộng: Thương mại là một quá trình từ mua đến bán vì mục đích lợi nhuận. Theo nghĩa này, thương mại có đặc điểm là: thương mại đồng nghĩa với kinh doanh, và bao gồm các hành vi hàng hóa đến lợi nhuận.

Theo nghĩa hẹp: Thương mại là hoạt động trao đổi hàng hóa thông qua mua bán trên thị trường. Theo nghĩa này, thương mại có các đặc điểm sau: thương mại là cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng, là lĩnh vực phân phối trao đổi hàng hóa.

1.1.1.2. Xuất khẩu:

a) Khái niệm:

Xuất khẩu hàng hoá là việc hàng hóa được đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc đưa vào khu vực đặc biệt nằm trên lãnh thổ Việt Nam được coi là khu vực hải quan riêng theo quy định của pháp luật [8].

Hoạt động xuất khẩu là hoạt động cơ bản của hoạt động ngoại thương. Nó đã xuất hiện từ rất sớm trong lịch sử phát triển của xã hội và ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu. Hình thức sơ khai của chúng chính là hoạt động trao đổi hàng hoá thông thường cho đến nay nó đã phát triển rất mạnh mẽ và được biểu hiện dưới nhiều hình thức.

Hoạt động xuất khẩu diễn ra trên mặt lĩnh vực, trong môi trường kinh tế, thị trường xuất khẩu hàng tiêu dùng cho đến thị trường xuất khẩu hàng công nghệ cao. Tất cả các hoạt động này đều nhằm mục tiêu đem lại lợi ích cho quốc gia nói chung và các DN tham gia nói riêng.

Hoạt động xuất khẩu diễn ra rất rộng và không gian và thời gian. Nó có thể diễn ra trong thời gian rất ngắn song cũng có thể kéo dài hàng năm, có thể được diễn ra trên phạm vi một quốc gia hay nhiều quốc gia khác nhau.

b) Các hình thức xuất khẩu hàng dệt may chủ yếu:

- Xuất khẩu trực tiếp:

Xuất khẩu trực tiếp là hình thức xuất khẩu do một DN trong nước trực tiếp xuất khẩu hàng hoá cho một DN nước ngoài thông qua các kênh của chính mình. Đôi khi xuất khẩu trực tiếp, DN phải có bộ phận chuyên trách xuất khẩu. Bộ phận này có thể độc lập với bộ phận bán hàng trong nước và được cung cấp tài chính theo yêu cầu. Nhân viên của bộ phận này nhất thiết phải được đào tạo và nghiệp vụ ngoại thương.

- Xuất khẩu gián tiếp:

Xuất khẩu gián tiếp là hình thức xuất khẩu mà nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu phải thông qua một người thứ ba, người này là trung gian.

- Xuất khẩu gia công uỷ thác:

Xuất khẩu gia công uỷ thác là một hình thức xuất khẩu trong đó đơn vị ngoại thương đưa ra nhập nguyên vật liệu hoặc bán thành phẩm cho các xí nghiệp gia công, sau đó thu hồi thành phẩm để bán cho bên nước ngoài, đơn vị được hưởng phí uỷ thác theo thỏa thuận với các xí nghiệp uỷ thác.

- Xuất khẩu ủy thác:

Xuất khẩu ủy thác là hình thức xuất khẩu trong đó DN xuất khẩu đóng vai trò trung gian, đi đi tìm cho nhà sản xuất, ký kết hợp đồng xuất khẩu và làm thủ tục xuất khẩu, sau đó DN được hưởng % theo lợi nhuận hoặc một số tiền nhất định, theo thỏa thuận với hay theo kỳ hạn. Hình thức này có thể phát triển mạnh khi DN đi tìm cho người sản xuất có uy tín và trình độ nghiệp vụ cao trên thị trường quốc tế.

- Gia công xuất khẩu:

Là hoạt động mà một bên - bên đặt hàng - giao nguyên vật liệu, có khi cả máy móc, thiết bị và chuyên gia bên kia - bên nhận gia công - đi sản xuất ra một mặt hàng mới theo yêu cầu của bên đặt hàng. Sau khi sản xuất xong, bên đặt hàng nhận hàng hóa đó từ bên nhận gia công và trả tiền công cho bên làm hàng gọi là hoạt động gia công. Khi hoạt động gia công vượt ra khỏi phạm vi biên giới quốc gia thì gọi là gia công xuất khẩu.

Như vậy, gia công xuất khẩu là đưa các yếu tố sản xuất (chủ yếu là nguyên liệu) từ nước ngoài vào để sản xuất hàng hóa, nhưng không để tiêu dùng trong nước mà để xuất khẩu thu ngoại tệ chênh lệch do tiền công đem lại. Vì vậy, suy cho cùng, gia công xuất khẩu là hình thức xuất khẩu lao động, nhưng là loại lao động dôi dào đang được nước sở tại.

- Phương thức mua bán đi lại:

Buôn bán đi lại là một phương thức giao dịch trong đó xuất khẩu kết hợp chặt chẽ với nhập khẩu, người mua đồng thời là người bán, thông qua hàng trao đổi với nhau có giá trị ngang nhau, người ta còn gọi phương thức này là xuất khẩu liên kết hoặc phương thức hàng đi hàng.

Phương thức này thông thường được thực hiện nhiều ở các nước đang phát triển, các nước này hầu như là rất thiếu ngoại tệ cho nên phương thức dùng phương pháp hàng đi hàng để cân đối nhu cầu trong nước. Phương thức này tránh được rủi ro do biến động tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại hối nhưng nhược điểm của phương thức này là thời gian trao đổi (thanh toán trên thị trường) lâu, do vậy không kịp tiền để sản xuất một cách hiệu quả kinh doanh và phương thức này không linh hoạt.

- Ph^ong th^oc mua bán t^ui h^oi ch^o tri^on l^om:

H^oi ch^o là m^ot th^o tr^ong ho^ot đ^ong đ^onh k^oi, đ^oc t^o ch^oc vào m^ot th^oi gian và m^ot đ^oa đ^om c^o đ^onh trong m^ot th^oi h^on nh^ot đ^onh, t^ui đ^o ng^oi bán đ^om tr^ong bày hàng hoá c^oa mình và t^up xúc v^oi ng^oi mua đ^o ký h^op đ^ong mua bán.

Tri^on l^om là vi^oc tr^ong bày gi^oi thi^u nh^ong thành t^uc c^oa m^ot n^on kinh t^o ho^oc m^ot ngành kinh t^o, văn hoá, khoa h^oc kĩ thu^ot: ví d^o h^oi ch^o tri^on l^om hàng công nghi^op. Tri^on l^om liên quan ch^ot ch^o đ^on ngo^oi th^ong t^ui đ^o ng^oi ta tr^ong bày các lo^oi hàng hoá nh^om m^oc đích qu^ong cáo đ^o m^o r^ong kh^o năng tiêu th^o. Ngày nay ngoài các m^oc đích trên, h^oi ch^o tri^on l^om còn tr^o thành n^oi đ^o giao d^och ký k^ot h^op đ^ong c^o th^o.

- Xu^ot kh^ou t^ui ch^o:

Xu^ot kh^ou t^ui ch^o là m^ot hình th^oc xu^ot kh^ou mà hàng hoá không di chuy^on ra kh^oi biên gi^oi qu^oc gia mà đ^oc s^o đ^ong ^o các khu ch^o xu^ot ho^oc DN bán s^on ph^om cho các t^o ch^oc n^oc ngoài ^o trong n^oc. Ngày nay hình th^oc này càng ph^o bi^on r^ong rãi h^on nh^ong nh^oc đ^om là các DN bán hàng s^o thu đ^oc l^oi nhu^on ít h^on nh^ong nó cũng có nhi^ou thu^on l^oi là các th^o t^oc bán hàng, qu^on lí đ^oc r^oi ro, h^op đ^ong đ^oc th^oc hi^on nhanh h^on, t^oc đ^o quay vòng s^on ph^om nhanh h^on.

- T^om nh^op tái xu^ot:

T^om nh^op tái xu^ot là lo^oi xu^ot kh^ou tr^o ra n^oc ngoài nh^ong hàng tr^oc đ^oy đã nh^op kh^ou, ch^oa qua ch^o bi^on ^o n^oc tái xu^ot. Hình th^oc này ng^oc chi^ou v^oi s^o v^on đ^ong c^oa hàng hoá là s^o v^on đ^ong c^oa đ^ong ti^on: n^oc tái xu^ot tr^o ti^on n^oc xu^ot kh^ou và thu ti^on c^oa n^oc nh^op kh^ou.

- Chuy^on kh^ou:

Trong đ^o hàng hoá đi th^ong t^o n^oc xu^ot kh^ou sang n^oc nh^op kh^ou. N^oc tái xu^ot tr^o ti^on cho n^oc xu^ot kh^ou và thu ti^on c^oa n^oc nh^op kh^ou. Lo^oi th^o c^oa hình th^oc này là hàng hoá đ^oc mi^on thu^o xu^ot kh^ou [8].

1.1.1.2. Th^oc đ^oy xu^ot kh^ou hàng d^ot may:

Th^oc đ^oy xu^ot kh^ou hàng d^ot may là m^ot ph^ong th^oc th^oc đ^oy tiêu th^o hàng d^ot may mà trong đ^o bao g^om t^ot c^o các bi^on pháp, chính sách, cách th^oc c^oa Nhà n^oc và DN nh^om t^oo ra c^o h^oi và kh^o năng đ^o t^oo ra giá tr^o cũng nh^o s^on l^ong c^oa hàng d^ot may đ^oc xu^ot kh^ou ra th^o tr^ong n^oc ngoài.

1.1.2. Đặc điểm của hàng dệt may

1.1.2.1. Đặc điểm về nhu cầu và tiêu thụ: Sản phẩm phong phú, đa dạng tùy thuộc vào đối tượng tiêu dùng khác nhau thì nhu cầu sẽ khác nhau; sản phẩm mang tính thời trang cao, mẫu mã, kiểu dáng, chất liệu thay đổi thường xuyên; mang tính thời vụ và phụ thuộc nhiều vào thu nhập, thói quen của người tiêu dùng.

1.1.2.2. Đặc điểm về sản xuất: Sản phẩm nhiều lao động giốn nên sản xuất hàng dệt may thường phát triển ở các nước đang phát triển, phát huy được lợi thế nguồn lao động dồi dào, giá nhân công rẻ.

1.1.2.3. Đặc điểm về thị trường: Các nước nhập khẩu đều có những chính sách để bảo hộ chống lại hàng dệt may để kiểm soát về các tiêu chuẩn, chất lượng và môi trường và xã hội...

1.1.3. Vai trò của các xuất khẩu hàng dệt may

1.1.3.1. Tạo nguồn thu nhập, tích lũy ngoại tệ cho đất nước; đem bán cho việc nhập khẩu các nguyên liệu, thiết bị máy móc sản xuất hiện đại phục vụ cho sản nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước.

1.1.3.2. Tạo điều kiện mở rộng quy mô sản xuất, kéo theo các ngành khác phát triển; chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước, từ đó thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

1.1.3.3. Giúp sản phẩm hiệu quả các nguồn lực có sẵn và lợi thế so sánh của quốc gia; kích thích đổi mới công nghệ sản xuất cho nền kinh tế nói chung và DN ngành dệt may nói riêng; giữ gìn quy tắc các vấn đề an sinh xã hội, giữ gìn quy tắc việc làm, nâng cao đời sống cho người lao động, nhất là lao động nữ.

1.1.3.4. Là cơ sở để mở rộng và thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại của đất nước; tạo điều kiện cho các DN tiếp cận với thị trường bên ngoài, thiết lập mối quan hệ, hợp tác kinh doanh với nhiều đối tác; góp phần quản lý bá